

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 민원 처리에 관한 법률 시행규칙 [별지 제4호서식] <개정 2024. 9. 6.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Giải quyết vấn đề dân sự [Mẫu đính kèm số 4] <Sửa đổi 2024. 9. 6.>

다른 행정기관 등을 이용한 민원사항 신청서
ĐƠN ĐĂNG KÝ DÂN SỰ
THÔNG QUA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH KHÁC



(약칭: 어디서나 민원신청서)

(Viết tắt: Đơn đăng ký vấn đề dân sự ở mọi nơi)

※ 뒤쪽의 작성방법을 참고하시기 바라며, 색상이 어두운 란은 신청인이 적지 않습니다.

(앞쪽)

※ Vui lòng tham khảo cách điền đơn ở mặt sau, người đăng ký không điền vào các ô màu tối.

(Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일: Ngày tiếp nhận:	처리기간: 개별 민원의 처리기간에 따름 Thời gian xử lý: Tùy theo thời gian xử lý từng loại dân sự
----------------------	-------------------------	---

1. 신청 민원사항

Nội dung đăng ký dân sự

세정 Thuế vụ	[]지방세 세목별 과세증명서 []납세증명서		
	[]지방세납세증명서		
출입국 Cục xuất nhập cảnh	[]소득금액증명 []기타(		

검정고시 Kì thi đánh giá năng lực	응시 시·도 교육청: Sở Giáo dục tỉnh, thành phố dự thi:			
	[]합격증명	[]과목합격증명	[]성적증명	
	[]Chứng nhận đậu	[]Chứng nhận môn đậu	[]Chứng nhận kết quả	
	[]중학교 입학 자격	[]고등학교 입학 자격	[]고등학교 졸업 학력	
군·병무 (병적증명서) Nghĩa vụ quân sự (Chứng nhận nghĩa vụ quân sự)	[]한글	[]육군 []해군	계급: Cấp bậc:	
	[]영문	[]공군		
	[]Tiếng Hàn	[]Lục quân []Hải quân		
	[]Tiếng Anh	[]Không quân		
제적부 Sổ hộ tịch	군번:	전역일:	용도:	
	Số quân hàm:	Ngày xuất ngũ:	Mục đích sử dụng:	
	[]제적부의 등본(초본) 발급			
	[]Cấp bản sao (trích lục) sổ hộ tịch			
그 밖의 민원 Dân sự khác	등록기준지 :	호주:	청구사유:	
	Nguyên quán :	Chủ hộ:	Lí do yêu cầu:	
	[]국가유공자(유족)확인			
	[]Xác nhận (gia quyền) người có công với nước			
[]기타()				
[]Khác ()				

2. 공통 기재사항

2. Thông tin chung

관련 민원사항 본인정보 Thông tin cá nhân về nội dung dân sự liên quan	성명(법인명): Họ tên (tên pháp nhân):	영문 성명(법인명): (영문신청서 신청 시에만 적습니다) Họ tên tiếng Anh (tên pháp nhân): (Chỉ điền khi đăng ký đơn bằng tiếng Anh)
	생년월일(법인등록번호): Năm, tháng, ngày sinh (số đăng ký pháp nhân):	연락처: Số điện thoại:
	주소: Địa chỉ:	
	원하는 교부기관 Mong muốn cơ quan cấp giấy chứng nhận	[]접수기관과 동일
신청 장수 및 방법 Số bản và cách thức đăng ký	신청 장수: Số bản đăng ký	신청 방법: []방문 []전화 []인터넷 Cách thức đăng ký: []Trực tiếp []Điện thoại []Internet
	기타 특이사항 Thông tin đặc biệt khác	
	신청인 정보 Thông tin của người đăng ký ※ 위임 신청 시에만 작성 ※ Chỉ điền khi ủy quyền đăng ký	성명: Họ tên: 발급대상자와의 관계: Quan hệ với đối tượng được cấp: 주소: Địa chỉ:
	생년월일: Năm, tháng, ngày sinh: 연락처: Số điện thoại:	

3. 서명 및 날인

3. Kí tên hoặc đóng dấu

「민원 처리에 관한 법률 시행규칙」 제5조에 따라 위와 같이 민원 처리를 신청합니다.

Tôi xin đăng ký giải quyết dân sự trên theo Điều 5 “Thông tư hướng dẫn Luật Giải quyết vấn đề dân sự”.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인
Người đăng ký

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

접수기관의 장 귀하

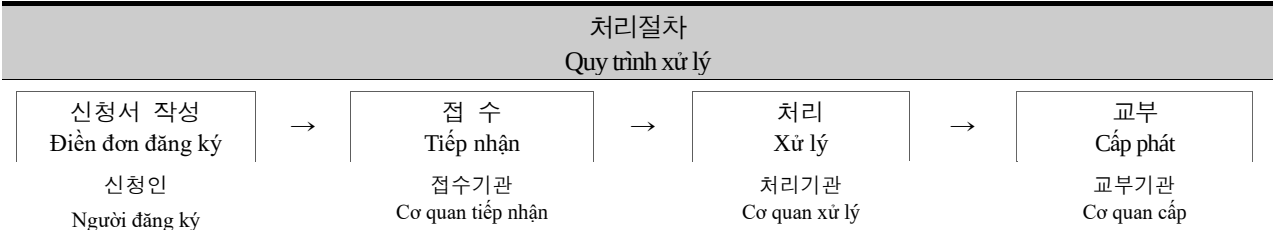
Kính gửi Thủ trưởng
cơ quan tiếp nhận

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	민원사항을 규정한 관계법령에서 본인, 가족 또는 본인의 위임장 소지자에게 민원서류를 발급할 수 있도록 규정하고 있는 경우 해당 법령에 따라 다음과 같은 서류를 제출해야 합니다. Trường hợp pháp luật liên quan nội dung dân sự quy định cho phép cấp giấy tờ dân sự cho cá nhân, gia đình hoặc người được ủy quyền, người nộp đơn phải nộp các giấy tờ sau đây theo quy định của pháp luật liên quan. ※ 예시) 본인: 신분증 등 가족: 가족관계증명서 또는 주민등록등(초)본 등 위임장 소지자: 위임장 소지자의 신분증, 위임장 등 ※ Ví dụ) Bản thân: Giấy tờ tùy thân... Gia đình: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình hoặc bản sao (trích lục) đăng ký cư trú, v.v. Người mang giấy ủy quyền: Giấy tờ tùy thân của người mang giấy ủy quyền, giấy ủy quyền, v.v.	수수료 Lệ phí	관계법령 및 조례에 따른 금액 Số tiền theo quy định và điều lệ pháp luật liên quan
------------------------	--	---------------	---

작성방법 Cách điền đơn

- 접수번호, 접수일은 작성하지 않습니다.
- Không điền số tiếp nhận và ngày tiếp nhận.
- 신청 민원사항: 해당되는 민원사항의 [] 안에 "√"표시를 합니다. 해당되는 민원사항이 없는 경우에는 기타에 "√"표시를 하고 해당 민원사항을 적습니다.
- Nội dung đăng ký dân sự: Đánh dấu “√” vào [] nội dung dân sự tương ứng. Nếu không có nội dung dân sự tương ứng, đánh dấu “√” vào phần Khác và điền nội dung dân sự liên quan.
- 관련 민원사항 본인정보: 발급대상자의 정보를 적습니다. 다만, 민원사항 중 해당 민원을 규정한 관계법령 등에 따라 필요한 경우 본인 및 신청인 정보의 생년월일에 주민등록번호를 적어야 합니다.
- Thông tin cá nhân về dân sự liên quan: Điền thông tin người được cấp. Tuy nhiên, trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật liên quan về nội dung dân sự, phải điền số chứng minh thư Hàn vào phần ngày sinh trong phần thông tin của bản thân và người đăng ký.
- 민원사항(출입국사실증명, 외국인등록사실증명, 국내거소신고 사실증명, 납세증명서, 지방세 납세증명 등)에 따라서는 위임하는 사람과 위임받는 사람의 신분증 사본을 구비서류로 제출해야 합니다.
- Tùy theo nội dung dân sự (giấy xác nhận sự thật xuất nhập cảnh, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài, giấy xác nhận sự thật khai báo cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật nộp thuế, giấy xác nhận sự thật nộp thuế địa phương, v.v.), người nộp đơn phải nộp bản sao giấy tờ tùy thân của người ủy quyền và người được ủy quyền.

- 신청인 정보: 본인이 민원을 신청하는 경우에는 적지 않습니다. 본인의 위임을 받은 사람이 민원을 신청하는 경우에는 그 위임받은 사람의 정보를 적습니다.
- Thông tin của người đăng ký: Không điền nếu tự mình đăng ký dân sự. Trường hợp người được người ủy quyền đăng ký dân sự, điền thông tin của người được ủy quyền.



※ 행정기관별로 적절하게 조정 가능
※ Có thể điều chỉnh phù hợp với từng cơ quan hành chính